

NHÂM THỊ LÝ\*

## KHU BẢO TỒN VĂN HÓA PHẬT GIÁO Ở THÀNH CỔ CHÍNH ĐỊNH, TỈNH HÀ BẮC, TRUNG QUỐC

**Tóm tắt:** Thành cổ Chính Định ở tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, tuy là một thành nhỏ cấp huyện nhưng có danh tiếng lẫy lừng với lịch sử tồn tại gần 2.000 năm. Trong quá khứ, Chính Định từng là một trong những trung tâm Phật giáo lớn ở miền Bắc Trung Quốc. Trải qua nhiều thăng trầm, nơi này vẫn còn lưu giữ được nhiều di tích lịch sử, văn hóa và tôn giáo tín ngưỡng phong phú, đặc biệt là các công trình kiến trúc chùa tháp Phật giáo cổ kính, độc đáo, được xây dựng tinh xảo, có giá trị mỹ thuật. Do đó, Chính Định được coi là kho tàng nghệ thuật kiến trúc cổ, là một trong những khu bảo tồn văn hóa Phật giáo của Trung Quốc. Từ năm 1994, thành cổ này là đơn vị cấp huyện duy nhất nằm trong danh sách những thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng nhất của Trung Quốc.

**Từ khóa:** Phật giáo, kiến trúc Phật giáo, thành cổ Chính Định, Trung Quốc

### Mở đầu

Thành cổ Chính Định là một thành nhỏ cấp huyện ở tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc, có lịch sử tồn tại gần 2.000 năm. Trong thành có nhiều di tích lịch sử, văn hóa phong phú, đặc biệt, các công trình kiến trúc chùa tháp Phật giáo cổ kính, độc đáo vẫn còn lưu giữ được một số lượng lớn văn bia có nguồn gốc từ thời Tùy đến thời Thanh. Đây là những nhân chứng rõ nét cho quá trình phát triển của văn hóa Phật giáo tại vùng đất này. Nhiều học giả Trung Quốc đã chú ý nghiên cứu về lịch sử, kiến trúc Phật giáo cũng như đi sâu vào phân tích nội dung của các văn bia ở Chính Định, giúp chúng ta hiểu sâu hơn về lịch sử Chính

\* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.  
Ngày nhận bài: 7/1/2024; Ngày biên tập: 16/1/2024; Duyệt đăng: 18/4/2024.

Định, sự phát triển xã hội ở địa phương nói chung và sự phát triển của Phật giáo nói riêng.

Chỉ tính riêng mảng luận văn thạc sĩ, theo thống kê của trang thông tin điện tử Cơ sở tri thức quốc gia Trung Quốc cho thấy: năm 2008, Triệu Côn bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Đại học Khoa học Kỹ thuật và Kiến Trúc Tây An với đề tài *Nghiên cứu về các công trình chùa tháp Phật giáo ở Chính Định*; Năm 2014, Lý Ngạn Lệ công bố luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Bắc với đề tài về lịch sử Chùa Long Hưng ở Chính Định trong thời Tống; Năm 2015, Giả Kha công bố luận văn thạc sĩ tại Đại học Khoa học kỹ thuật và Kiến trúc Tây An với đề tài *Nghiên cứu kiến trúc chùa tháp Phật giáo ở huyện Chính Định*. Gần đây, vào năm 2019, Mã Duyệt Nhiễm đã thực hiện đề tài *Nghiên cứu màu sắc cảnh quan của chùa Long Hưng, Chính Định*. Đây là luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Đường sắt Thạch Gia Trang, trong đó tác giả đã tìm hiểu quá trình phát triển cũng như nguồn gốc và hiện trạng màu sắc cảnh quan của chùa. Năm 2020, Tôn Bác Văn đã công bố luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Dân tộc Trung Ương với đề tài *Chỉnh lý và nghiên cứu văn bia Phật giáo Chính Định*. Nội dung của luận văn lấy văn bia Phật giáo Chính Định làm đối tượng nghiên cứu chính, đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu các sách lịch sử, địa chí và các tư liệu văn hiến khác. Trên cơ sở đó, tác giả đã tiến hành phân tích về các giai đoạn phát triển và đặc điểm của Phật giáo tại địa phương, giúp chúng ta hiểu sâu hơn về lịch sử Chính Định, sự phát triển xã hội ở địa phương nói chung và sự phát triển của Phật giáo nói riêng. Để góp phần tìm hiểu những di sản văn hóa tín ngưỡng ở thành Chính Định, trong phạm vi bài viết này, tác giả sử dụng cách tiếp cận Sử học và Văn hóa học, thông qua khảo sát, phân tích các nguồn tư liệu sơ cấp và thứ cấp để tập trung giới thiệu khái quát về lịch sử thành cổ Chính Định, sự truyền bá Phật giáo ở Trung Quốc nói chung, ở Chính Định nói riêng. Miêu tả diện mạo của một số công trình kiến trúc chùa tháp Phật giáo tiêu biểu, đồng thời bước đầu đưa ra một số nhận xét sơ bộ về vai trò của Phật giáo đối với sự phát triển của văn hóa xã hội tại địa phương.

### **1. Khái quát về thành cổ Chính Định**

Thành cổ Chính Định nằm cách thành phố Thạch Gia Trang (tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc), 15km về phía Bắc. Ở vùng đất này có dấu vết dân cư sinh sống từ đầu thời kỳ đồ đá mới. Năm 770 TCN, vào thời Xuân Thu, nước Tiên Ngụ được thành lập trong phạm vi địa giới huyện, lập ra nhiều thành ấp như Tuyên Thành, Đông Viên... Khu vực thành cổ Chính Định ngày nay vốn là đô thành của nước Tiên Ngụ thuở trước. Đến thời Chiến Quốc, nước Tần tiêu diệt Tiên Ngụ. Sau khi nước Tần tan rã, nước Trung Sơn và nước Triệu lần lượt thành lập trong địa giới vùng này, sau đó nước Triệu thôn tính Trung Sơn. Năm 221 TCN, sau khi thống nhất đất nước, Tần Thủy Hoàng chính thức lập ra huyện trị ở đây và đặt tên là huyện Đông Viên thuộc quận Hằng Sơn.

Năm 196 TCN, sau khi Lưu Bang khởi nghĩa thành công và lập ra nhà Hán, tại huyện Đông Viên thường xuyên xảy ra bạo loạn, vua Hán Cao Tổ đã đích thân đem quân đi dẹp loạn và trú quân tại khu vực này. Với mong muốn thiên hạ được sinh sống yên ổn thái bình thực sự, ông đã cho đổi tên huyện Đông Viên thành huyện Chân Định. Tên huyện này được dùng từ đó cho đến tận thời Thanh. Năm 1723, đời vua Ung Chính nhà Thanh, để tránh kị húy đã cho đổi tên thành phủ Chính Định thuộc huyện Chính Định như ngày nay. Từ năm 1949, huyện Chính Định thuộc quyền quản lý của châu Thạch Gia Trang. Từ năm 1986 trở lại đây, huyện trở thành địa cấp thuộc thành phố Thạch Gia Trang, năm 1990 trở thành thành phố lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Do nằm ở cửa ngõ quan trọng nhất nối liền hai tỉnh Sơn Tây và Hà Bắc, nên từ thời xa xưa huyện Chính Định đã nằm trên con đường huyết mạch nối liền giữa kinh kỳ và vùng đồng bằng Hoa Bắc, là trung tâm giao lưu văn hóa, kinh tế, chính trị quan trọng ở miền Bắc Trung Quốc. Đây là nơi đặt lỵ sở của các cấp quận, châu, lộ, phủ trong suốt 2.000 năm. Vì vậy, nơi đây cũng thường xuyên diễn ra giao tranh quyết liệt giữa các thế lực quân phiệt để giành đoạt được vùng đất này. Từ sau khi triều Minh dời đô lên Bắc Kinh, Chính Định cùng với Bắc Kinh và Bảo Định được bố trí xây dựng thành ba trọng điểm trấn phòng thủ hùng cứ ở phương Bắc. Trên tám biển ở cổng phía Nam có

đề tựa “Tam Quan Hùng Trấn” đã phần nào thể hiện rõ hào khí Trung Nguyên ở thành cổ này [Thạch Gia Trang Nhật Báo, 2015].

Lịch sử hàng nghìn năm nay cho thấy thành cổ Chính Định đã chứng kiến nhiều thăng trầm thay đổi ở vùng đồng bằng Hoa Bắc trên nhiều phương diện như chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội nói chung. Về phương diện tôn giáo - tín ngưỡng, từ thời Hán, Phật giáo được truyền bá rộng rãi ở Trung Quốc. Những dấu ấn ban đầu của sự du nhập Phật giáo từ Ấn Độ vào Trung Quốc được cho rằng có từ thời nhà Tần (năm 221-206 TCN). Đến thời Tây Hán, triều đình khai thông con đường tơ lụa để phát triển kinh tế thương mại với Tây Vực, đồng thời cũng cử người sang Tây Trúc học hỏi Phật pháp và trở về in dịch kinh sách. Từ thời Đông Hán (năm 25-220 SCN), Phật giáo bắt đầu phát triển nở rộ và ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn hóa xã hội ở Trung Quốc. Nhiều nhà sư Ấn Độ đi theo các đoàn thương nhân qua Tây Vực đến Trung Quốc truyền bá đạo Phật. Vào năm Vĩnh Bình thứ 11 (năm 68), chùa Bạch Mã được xây dựng ở thành Lạc Dương (thuộc tỉnh Hà Nam) làm nơi tu tập, thuyết giảng Phật pháp của các tăng, ni. Đây là một ngôi chùa tuy nhỏ nhưng có lịch sử lâu đời, được các tín đồ xem là cái nôi của Phật giáo Trung Hoa [Trang mạng chùa Bạch Mã]. Thành Lạc Dương khi đó đã trở thành một trung tâm Phật giáo lớn của Trung Quốc cũng như ở khu vực Đông Á nói chung. Sau đó không lâu, con đường truyền bá đạo Phật vào Trung Quốc qua vùng núi Himalaya cũng trở nên hưng thịnh, thúc đẩy quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ ở đất nước này. Giáo lý của Phật giáo giúp khơi gợi tâm thức hướng thiện, thúc đẩy con người không ngừng tìm kiếm những triết lý nhân sinh có tính nhân văn nhân ái. Chính vì vậy, Phật giáo ngày càng bám rễ sâu vào đời sống xã hội Trung Quốc, không ngừng hòa nhập, gắn kết với văn hóa bản địa và góp phần làm phong phú nền văn hóa Trung Hoa.

Vào thời kỳ này, thành Chính Định tuy chỉ là một thành huyện nhỏ ở miền Bắc Trung Quốc, nhưng đã nổi danh vì là quê hương của danh tướng trung nghĩa thời kỳ Tam Quốc Triệu Vân (Triệu Tử Long). Phật giáo cũng dần dần được truyền bá sâu rộng ở Chính Định kể từ thời Tây Tấn, sau đó đã trải qua nhiều đợt suy vi bởi chính sách bài trừ

Phật giáo của giai cấp thống trị thời kỳ Nam Bắc Triều (420-588). Cụ thể vào năm Thái Bình Chân Quân thứ 7 (446), dưới thời vua Thái Vũ Đế (439-450) nhà Bắc Ngụy, nhân lúc ở Thiểm Tây xảy ra loạn Cái Ngộ, vua nghi ngờ nhà chùa thông đồng với Cái Ngộ để làm loạn nên đã ra lệnh phế bỏ Phật giáo. Lúc này, vô số kinh điển Phật giáo bị thiêu hủy, toàn bộ chùa tháp bị đập phá hoặc bị trưng dụng làm công sở làm việc của tầng lớp công hầu khanh tướng. Tầng lớp tăng lữ bị buộc phải hoàn tục, có người phải trốn lên rừng núi hoặc sang nước khác để tu hành. Sau khi nước Bắc Ngụy phân chia thành Đông Ngụy và Tây Ngụy, nước Tây Ngụy nhanh chóng bị thay thế bởi Bắc Chu. Đến đời vua thứ ba của nước Bắc Chu là Chu Vũ Đế, do có hoài bão thôn tính Bắc Tề (nước kế tiếp của Đông Ngụy) để thống nhất đất nước, năm 574 ông đã hạ chiếu lệnh phá hủy Phật giáo. Lệnh pháp nạn này để lại nhiều hậu quả nặng nề hơn kỳ pháp nạn trước [Tuệ Đăng, 2019].

Đến thời Tùy, Đường, sự thống nhất đất nước và hòa nhập dân tộc giúp cho nền kinh tế phát triển hưng thịnh, giao thông đường thủy trở nên thuận lợi nhờ hệ thống kênh đào Đại Vận Hà. Chính quyền nhà nước thực thi nhiều chính sách khoan dung, cởi mở trên nhiều phương diện, trong đó có lĩnh vực văn hóa Phật giáo. Thời kỳ này xuất hiện vị cao tăng Huyền Trang có nhiều đóng góp cho sự nghiệp dịch kinh và truyền bá Phật pháp ở Trung Quốc. Ông đã để lại nhiều tác phẩm phiên dịch kinh điển. Trong thời kỳ này, các công trình chùa, tháp, miếu, điện thờ lần lượt được xây dựng tập trung ở khu phố chính trong thành Chính Định vốn luôn tấp nập cảnh buôn bán nhộn nhịp, trên bên dưới thuyền. Đến thời Tống, thành Chân Định trở thành một trong 21 phố buôn lớn nhất của cả nước. Các thương nhân từ Tây vực đến đây buôn bán rất đông. Thời Minh Thanh, có đến hơn trăm nghìn người tập trung sinh sống làm ăn tại khu phố chính. Hiện nay, khu vực này được bảo tồn thành khu phố cổ của Chính Định và có tên là phố Chùa Khai Nguyên.

Phố cổ đường Chùa Khai Nguyên tuy chỉ dài mấy trăm mét, rộng khoảng 3,6 km<sup>2</sup> nhưng hội tụ nhiều dấu ấn sâu đậm về nghệ thuật kiến trúc của hàng ngàn năm lịch sử, trải qua chín triều đại. Với bề dày lịch

sử như vậy, thành Chính Định vẫn còn lưu giữ được nhiều di tích văn hóa phong phú, gồm 38 công trình kiến trúc từ thời Tùy, Đường cho đến thời kỳ Dân Quốc cùng với 7.672 cổ vật quý giá. Trong số đó, có chín đơn vị thuộc danh mục bảo tồn di sản văn vật trọng điểm cấp quốc gia, sáu đơn vị là di sản bảo tồn cấp tỉnh và 23 đơn vị di sản bảo tồn cấp huyện. Những di tích lịch sử, văn hóa lâu đời, có giá trị kiến trúc nhất ở thành cổ Chính Định gồm có chùa Long Hưng, chùa Khai Nguyên, Hoa tháp ở chùa Quảng Huệ, tháp Lăng Tiêu ở chùa Thiên Ninh, điện Đại Thành ở Văn Miếu cấp huyện, di tích văn miếu cấp phủ, bia Phong Động, tường thành cổ [Trang mạng du lịch Bắc Kinh, 2019]. Những công trình kiến trúc cổ này hiện nằm đan xen với nhà ở của cư dân địa phương.

Dù trải qua nhiều thăng trầm nhưng Phật giáo vẫn luôn là tôn giáo đóng vai trò quan trọng nhất ở Chính Định trong suốt hơn 1.000 năm qua. Vào những năm cuối thời kỳ Thiên Bảo nhà Đường, loạn An Sử (755-763) khiến cho nhiều ngôi chùa nổi tiếng ở vùng Trung Nguyên bị hủy hoại, tổn thất nặng nề. Tuy nhiên, Phật giáo ở thành Chính Định không bị ảnh hưởng nhiều. Lúc này, Trương Trung Chí đang đóng quân tại thành Chính Định. Ông rất sùng tín đạo Phật và cho quân bảo vệ chùa trong thành. Sau đó, ông quy thuận triều Đường, được triều đình ban tên họ là Lý Bảo Thần và được bổ nhiệm làm Thành Đức Quân Tiết Độ Sứ, trấn thủ Hằng Châu [Âu Dương Tu, 1975: 5946]. Từ sau loạn An Sử, tiết độ sứ các nơi dần nổi dậy cát cứ quân sự và chuyên quyền ở địa phương. Họ có sự độc lập nhất định về chính trị, quân sự. Đặc biệt là một số trấn ở Hà Bắc từ thời Đường Túc Tông (756-762) trở đi đã không còn phục tùng triều đình.

Năm Hội Xương thứ ba (842), vua Đường Vũ Tông (840-847) có những biện pháp cứng rắn đàn áp Phật giáo. Sự kiện này được gọi là Hội Xương pháp nạn. Về mặt chủ quan, có nhiều nguyên nhân xuất phát từ sự phát triển quá nhanh cũng như những mâu thuẫn nội bộ mà Phật giáo không kiểm soát được. Về mặt khách quan, lúc đó Đạo giáo được nhà Đường tôn sùng do người sáng lập ra Đạo giáo là Lão Tử có cùng họ với hoàng thất và được vua triều Đường suy tôn làm tổ tiên. Do đó, Đạo giáo dần chiếm lĩnh địa vị quan trọng trong xã hội. Các

đạo sĩ còn nhân cơ hội này dâng tấu dèm pha, nói xấu đạo Phật khiến cho mối quan hệ giữa hai tôn giáo này ngày càng trở nên căng thẳng trầm trọng. Trong kỳ pháp nạn này, 44.600 ngôi chùa bị phá hủy, hơn 260.000 tăng, ni bị ép buộc hoàn tục, chuông khánh, tượng đồng đều bị tịch thu để đúc tiền” [Tuệ Đăng, 2019]. Lúc này, các tiết độ sứ cai quản vùng đất Chính Định và khu vực miền trung Hà Bắc đều ra sức bảo vệ Phật giáo. Họ công khai chống lại chính sách diệt Phật của vua Đường, không phá hủy chùa chiền. Do các cơ sở tôn giáo còn gìn giữ được nên mọi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng trong thành Chính Định vẫn được duy trì thường xuyên. Trong bối cảnh đặc thù như vậy, vùng đất này bắt đầu đã trở thành trung tâm Phật giáo của toàn quốc lúc đó.

Sau khi nhà Đường sụp đổ, Trung Quốc bước vào thời kỳ Ngũ Đại (907-960), thế lực quân phiệt các nơi nổi dậy xâu xé, tranh giành quyền lực, chiến tranh diễn ra khắp nơi. Trong thời kỳ Hậu Chu (951-960), do tình hình chính trị rối ren, kinh tế suy thoái, thu nhập tài chính sụt giảm, vua Chu Thế Tông Sài Vinh (921-959) đã nghe lời cận thần, ban hành sắc lệnh hủy tượng Phật trong các ngôi chùa trong cả nước để lấy đồng đúc tiền, trang trải cho việc chi tiêu nội bộ [Triệu Văn Liêm, 2008: 625-626]. Sự kiện này được sử sách thời đó ghi chép lại rằng: “tháng 5 năm Hiên Đức thứ hai (955), đại hủy Phật tự” [Âu Dương Tu, 1974: 119]. Với việc thi hành chính sách này, một số lượng lớn chùa chiền trong phạm vi cả nước bị hủy hoại, trong đó có các ngôi chùa ở Chính Định. Tượng đồng trong chùa hầu hết đã bị phá huỷ trong thời kỳ này, thậm chí vua Chu Thế Tông còn đích thân đến thành Chính Định tham gia vào việc phá hủy tượng đồng. Lúc này trên toàn quốc có 30.336 ngôi chùa bị tàn phá, chỉ có 2.694 ngôi chùa còn tồn tại [Tur Mã Quang, 1956: 9.527]. Số liệu thống kê trên phần nào cho thấy chính sách diệt Phật của vua Chu Thế Tông không được thực hiện triệt để trên phạm vi cả nước, trong đó có nguyên nhân do nhiều tiết độ sứ sùng bái đạo Phật nên không chấp hành mệnh lệnh trên.

Từ sau pháp nạn này, Phật giáo Trung Quốc dần đi vào quỹ đạo phát triển ổn định và được truyền bá sâu rộng tại các vùng miền khác nhau. Đặc biệt là thời kỳ Bắc Tống (960-1126) sau đó đóng vai trò

quan trọng đối với lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Nó đánh dấu sự kết thúc của những pháp nạn khốc liệt trong các thời kỳ trước, mở ra giai đoạn tươi sáng, tốt đẹp của mối quan hệ giữa Phật giáo với chính quyền nhà nước. Trong thời kỳ này, chùa Long Hưng ở Chính Định được xây cất lại và được coi là một dấu mốc quan trọng mở đầu cho thời kỳ phục hồi của Phật giáo cổ đại ở Trung Quốc. Chùa Long Hưng thường được dân gian gọi là chùa Đại Phật. “Chùa bắt đầu được xây dựng vào năm Khai Hoàng thứ 6 (586), tên gọi ban đầu là chùa Long Tạng. Thời Tống xây cất lại, đặt tên là chùa Long Hưng” [Hạ Trung Nông, 1999: 1277].

Chùa Long Hưng có vị trí tương đối đặc biệt đối với triều Bắc Tống. Năm Hiên Đức thứ 6 (959), vua Chu Thế Tông qua đời. Năm sau đó là năm Kiến Long nguyên niên (960), Triệu Khuôn Dận khi đó đang đảm nhiệm chức vụ Điện Tiền Đô Điểm Kiểm đã phát động chính biến Trần Kiều, giành đoạt chính quyền từ tay nhà Hậu Chu, lập ra triều Bắc Tống. Vua Tống Thái Tổ đã tận mắt chứng kiến hành động phá hủy tượng Bồ tát lấy đồng của chính quyền Hậu Chu. Ông cho rằng thiên hạ lâu ngày phé bình, hủy Phật pháp thì xã tắc không còn phúc, đồng thời cũng tin rằng Phật giáo có mối quan hệ mật thiết với sự hưng thịnh và suy vong của một quốc gia. Ở góc độ cá nhân, ông nhận thấy rằng bản thân mình được lập nên làm vua là nhờ ơn trời đất ban cho. Chính vì vậy sau khi lên ngôi vua, vua Tống Thái Tổ đã cho xây cất lại nhiều chùa chiền, in dịch kinh sách và đãi ngộ tăng nhân [Thích Tâm Thái, 1985: 60614]. Chùa Long Hưng ở Chính Định cũng được xây dựng lại và trở thành công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của thời kỳ này. Lúc này, kỹ thuật in ấn bằng chữ rời ra đời góp phần thúc đẩy sự nghiệp dịch kinh và in ấn kinh sách Phật giáo phát triển nhanh chóng. Đặc biệt, năm lần khắc ván ấn hành “Đại Tạng Kinh” trong thời kỳ này là một trong số những dấu ấn huy hoàng nhất của Phật giáo Trung Quốc.

Trong lĩnh vực kinh tế, triều Tống thực hiện chính sách tương đối tự do nhằm thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp và giao thương hàng hóa. Triều Tống đã chú ý ban hành sắc lệnh hạn chế nghiêm ngặt việc sử dụng đồng, sát để đúc tượng Phật. Thay vào đó các kim loại này

được dùng để đúc các loại nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc là các loại dụng cụ khác. Các tượng đồng còn tồn tại trong các ngôi chùa Phật vẫn được giữ gìn nguyên vẹn. Ngoài ra, triều đình còn ban hành một số quy định cụ thể về số lượng tăng ni, quy mô tổ chức của chùa chiền và cơ cấu phụ trách quản lý ở khu vực, từ đó giúp cho Phật giáo phát triển theo định hướng về mặt chính sách của chính quyền nhà nước, như vậy rõ ràng có lợi cho sự thống trị của nhà Tống [“Tống Đại Chiếu Lệnh Tập”, 1962: 860, 861]. Về mặt chính trị, tình hình trong nước dần đi vào ổn định, kết thúc cục diện rối ren loạn lạc của thời Ngũ Đại. Mối quan tâm lớn của triều Tống lúc này là nước Liêu hùng mạnh ở phương Bắc. Theo hiệp ước Thiên Uyên Chi Minh ký kết giữa hai bên, vùng Bạch Câu ở Hà Bắc được lấy làm ranh giới phân chia lãnh thổ.

Thành Chính Định nằm ở khu vực biên giới với nước Liêu và với nước Kim, do đó đóng vai trò quan trọng về mặt chiến lược quân sự và được gọi là “Trấn Châu” qua nhiều thời kỳ. Nhà Tống không chỉ chú ý về mặt biên phòng, bố trí phòng ngự cẩn mật ở nơi đây, mà còn, chú trọng duy trì sự ổn định mọi mặt về kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội ở vùng đất này. Sự truyền bá của Phật giáo tại địa phương có tác dụng giáo hóa đối với quần chúng nhân dân, do đó có ý nghĩa nhất định giúp duy trì sự ổn định xã hội trong vùng. Trong thời kỳ này, Chính Định cũng là một địa điểm tập kết hàng hóa để trao đổi mậu dịch với nước láng giềng. Tơ lụa là mặt hàng trao đổi chủ yếu của mậu dịch biên giới thời Bắc Tống và giao thương buôn bán nội địa giữa hai miền Nam, Bắc trong thời Nguyên. Lúc này, tiền giấy xuất hiện và được sử dụng chính thức ở Chính Định thay thế cho tiền đồng. Sau đó, tiền giấy được phát hành mở rộng trên phạm vi toàn quốc, thậm chí còn được dùng trong mậu dịch quốc tế. Có thể nói rằng, kinh tế thương mại phát triển cũng là một nguồn lực hỗ trợ mạnh mẽ cho Phật giáo hưng thịnh lâu đời tại thành cổ.

Nhìn chung, trong giai đoạn từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII, tình hình quan hệ quốc tế giữa các nước Tống, Liêu, Hạ, Kim, Mông Cổ ở vùng Đông Á diễn ra vô cùng phức tạp. Sau khi phát động nhiều cuộc chiến tranh tiêu diệt nước Liêu từ năm 1115, quân Kim quay sang tấn công

nước Tống và dần chiếm lĩnh các tỉnh miền bắc nước này. Năm 1126, quân Kim đánh chiếm kinh thành Khai Phong, gây ra nạn Tĩnh Khang làm sụp đổ triều Bắc Tống. Năm 1127, nước Nam Tống thành lập, đối đầu với nước Kim ở phía Bắc. Lúc này, thành Chính Định và toàn bộ Hà Bắc đã thuộc quyền quản lý của nhà Kim. Rút kinh nghiệm từ nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của nước Liêu, giai cấp thống trị triều Kim thực thi nhiều chính sách cai trị Hán hóa tại vùng đất mới chiếm đóng. Trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng, triều Kim tuy không bài trừ Phật giáo nhưng cũng không chủ trương tôn sùng, thay vào đó là sự đề cao tư tưởng Nho giáo trong xã hội. Các triều đại thống nhất khác sau đó gồm triều Nguyên, Minh, Thanh về cơ bản đều coi trọng Phật giáo, nhờ đó Phật giáo luôn được bảo hộ và phát triển trong phạm vi toàn quốc nói chung và ở Chính Định nói riêng.

## **2. Một số công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu trong thành**

Chính Định vốn là một thành nhỏ thuộc cấp phủ huyện nên đã tránh được nhiều biến cố lớn trong lịch sử. Cuộc sống nơi đây tương đối yên định, ít chịu tổn thất của chiến tranh, chính vì vậy đã bảo tồn được nhiều di tích văn hóa Phật giáo lâu đời. Ví dụ điển hình là chùa Long Hưng, một quần thể kiến trúc tôn giáo cổ nhất, lớn nhất và hoàn chỉnh nhất Trung Quốc. Tuy nhiên, hoàn cảnh lịch sử cũng có lúc đưa đây biến nơi đây trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn ở miền Bắc Trung Quốc vào một số thời điểm. Trong thời kỳ hưng thịnh nhất, có rất nhiều ngôi chùa lớn nhỏ nằm rải rác khắp thành. Trải qua nhiều thăng trầm của các thời đại, nơi này vẫn giữ được nguyên vẹn phong cách cổ xưa. Tuy nhiên, tường thành cổ và nhiều tổ hợp kiến trúc tôn giáo cổ đã bị tổn hại và xuống cấp nghiêm trọng, chỉ để lại một số di tích rời rạc, ngoại trừ trường hợp chùa Long Hưng vẫn còn bảo tồn được gần như nguyên vẹn. Tuy vậy, vẫn có thể nhận thấy rằng, những kiến trúc chùa tháp còn tồn tại ở Chính Định được xây dựng vô cùng tinh xảo, độc đáo và có giá trị cao về mặt mỹ thuật.

Chùa Khai Nguyên nằm ở phía tây đường Thường Thắng, thuộc phía bắc thành cổ. Chùa còn có tên gọi khác là chùa Tịnh Quan hoặc Giới Tuệ, được xây dựng từ năm Hưng Hòa thứ 2 thời Đông Ngụy (năm 540). Cuối thời nhà Thanh, do lâu ngày không được tu bổ, trùng

tu, chùa bị sập đổ, hiện chỉ còn lưu lại gác chuông và tháp Tu Di mang dáng dấp kiến trúc thời Tùy Đường nên được coi là những dấu ấn vàng son của thời Thịnh Đường. Lầu chuông cao 14m, mặt cắt hình vuông (trùng tu năm Càn Ninh thứ 5 - năm 898 đời Đường). Đây là gác chuông cổ thời Đường duy nhất không còn tìm thấy ở bất cứ nơi đâu [Thạch Gia Trang Nhật báo, 2015]. Tháp Tu Di nằm ở phía tây cạnh gác chuông được xây năm Trinh Quán thứ 10 (năm 636) thời Đường, mặt cắt hình vuông, cao 39,5m. Tháp có kiến trúc cửa vòm, được điêu khắc, chạm trổ công phu. Đây là tòa tháp cổ xưa nhất trong bốn tháp nổi tiếng ở thành cổ Chính Định [Thạch Gia Trang Nhật Báo, 2023]. Ngoài ra, gần lối vào chùa còn có bia rùa đá lớn nhất Trung Quốc có xuất xứ từ thời Đường, khai quật vào năm 2.000 trên một con đường ở Chính Định và được đưa về trưng bày trong sân chùa.

Chùa Thiên Ninh tọa lạc ở phố Đại Chúng trong thành cổ nổi tiếng với tháp Lăng Tiêu cao lớn hình bát giác, được xây dựng năm Vĩnh Thái thứ nhất (năm 765) đời Đường, cao 41m, gồm 9 tầng theo lối kết cấu kiến trúc trên gỗ dưới gạch rất hiếm gặp. Chùa còn có tên gọi khác là chùa Mộc. Sau khi được trùng tu vào thời Tống, Kim đến nay, tháp vẫn được bảo tồn rất tốt. Ba tầng trên được trùng tu lại vào năm 1981 theo phong cách kiến trúc thời Kim.

Chùa Quảng Huệ nằm ở phía Đông Nam khu vực phố cổ, được xây dựng vào thời kỳ Trinh Nguyên đời Đường (785-804), trùng tu vào năm Đại Định thời Kim, đến nay đã có hơn 800 năm lịch sử. Trước đây, nơi này từng là một thánh địa Phật giáo, hiện không còn tồn tại, chỉ lưu lại được tòa tháp Hoa (tháp Đa Bảo) xây dựng theo lối kiến trúc Ấn Độ độc đáo. Thân tháp có bài trí những hoa văn điêu khắc như sư tử, voi, sinh vật biển, tượng lực sĩ và tượng các vị Bồ Tát. Trong số hơn 10 kiến trúc tháp Hoa còn tồn tại đến nay ở Trung Quốc thì đây là tòa tháp đẹp nhất, được xây dựng cầu kỳ và trang trí lạ mắt. Nhìn từ xa, trông tháp như một bó hoa khổng lồ [Thạch Gia Trang Nhật Báo, 2023].

Cách chùa Quảng Huệ 300m về phía Đông Bắc là chùa Lâm Tế, nơi khai sinh ra trường phái Lâm Tế tông nổi tiếng. Đây là một trong

năm trường phái Thiên tông của Phật giáo, có ảnh hưởng lớn ở nước ngoài, đặc biệt ở Nhật Bản với nhiều đệ tử tin tưởng sùng bái. Vì thế, chùa Lâm Tế được coi là tổ đình của Lâm Tế tông với công trình nổi bật là tháp Trùng Linh, còn gọi là Tháp Xanh, được xây dựng vào năm Hàm Thông thứ 8 (năm 867) thời nhà Đường, trùng tu năm Đại Định thứ 25 (năm 1185) thời Kim. Tháp hình bát giác, cao 30,47m, gồm 9 tầng. Ngôi tháp này tuy nhỏ nhưng xinh đẹp thuộc hạng nhất trong các loại hình tháp Phật giáo ở Trung Quốc. Vào thời Đường, một vị thiền sư đáng kính đến từ phương Nam là Nghĩa Huyền từng tu tập tại ngôi chùa này. Ông là một đại diện tiêu biểu cho rất nhiều vị cao tăng chủ trì, tu hành tại các ngôi chùa trong thành Chính Định qua các thời kỳ.

“Nghĩa Huyền người huyện Nam Hoa (Tào Châu), là truyền nhân đời thứ 6 kể từ Lục tổ Huệ Năng. Sau khi xuất gia, Sư học đạo với Thiền sư Hy Vận ở núi Hoàng Bá, rồi đến học đạo với Thiền sư Đại Ngu. Năm 854, Sư đến Trấn Châu thành lập viện Lâm Tế sát bờ sông Hồ Đà, thu nhận đồ chúng tu học rất đông đảo. Năm 867, vào ngày 10 tháng 4, Sư thâu thân thị tịch, đệ tử nổi pháp chừng 20 người có các vị Quán Khê - Chí Nhân, Bảo Thọ Chiêu, Tam Thánh - Tuệ Nhiên, Hưng Hóa - Tồn Tường..., về sau tạo ra một tông phái lớn, tông Lâm Tế” [Thích Trung Định, 2021].

“Thiền sư Lâm Tế – Nghĩa Huyền sau khi đắc pháp nơi Thiền sư Hy Vận – Hoàng Bá nhanh chóng hình thành nên Thiền phái Lâm Tế và đã trở thành một sự kiện trọng đại của Thiền tông, không chỉ bởi sự phát triển vượt bậc và bền vững của Thiền phái này qua nhiều thế hệ, mà còn biểu hiện ở phong thái khai thị, tiếp tăng độ chúng cực kỳ độc đáo và lột tả đúng với bản chất của đạo Phật là “Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến” như lời Đức Phật đã dạy trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa... Theo Thiền Uyển Tập Anh, sau Lục Tổ Huệ Năng, đến đời thứ 5 thì Thiền tông Trung Hoa phát triển mạnh mẽ và hình thành nên năm Thiền phái mà Thiền gia gọi là “Thiền tông ngũ gia” hay “Ngũ gia tông phái”, đó là tông Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn... Tông Lâm Tế do thiền sư Nghĩa Huyền khai sáng năm 854; năm thứ 8 đời Đường Đại Trung, Sư đến Trấn

Châu kiến lập viện Lâm Tế và phát triển tông này... Trong khi bốn tông Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn suy yếu gián đoạn, khi ẩn khi hiện, thì tông Lâm Tế phát triển thêm hai nhánh là Hoàng Long và Dương Kỳ, được truyền thừa sang Việt Nam, hình thành nên trường phái Lâm Tế Chúc Thánh ngày càng phát triển và thịnh hành khắp các tỉnh thành Việt Nam cho đến tận ngày nay” [Thích Giác Liêm, 2023].

Theo quan niệm của phái Thiền tông, thiền không phải là tư tưởng, cũng không phải là triết học, mà là một thế giới linh tính vượt qua ranh giới của tư tưởng và triết học. Thiền tông không đòi hỏi nhất thiết phải có môi trường tu hành mà con người ta có thể ngẫu nhiên đắc đạo nhờ một cơ duyên nào đó. Người đắc đạo trong đời sống hằng ngày không có gì khác biệt so với người khác nhưng cảm thấy tâm thái tĩnh tại, không chịu ảnh hưởng từ thế giới bên ngoài. Phật trong trái tim người tu hành đắc đạo là sức mạnh của sự từ bi, là sự quan tâm đến con người. Phật không tồn tại đâu xa mà có thể chính là trong tim mỗi người. Về vấn đề này, thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền chủ trương chỉ cần một lòng hướng về Phật, mọi người đều có thể thành Phật. Điều này thể hiện xu hướng bình dân hóa trong quan niệm cầu Phật của ông.

Nhìn chung, Thiền tông Lâm Tế không chỉ được truyền bá tại Trung Quốc mà còn phát triển mạnh tại các nước trong khu vực, trong đó sự phát triển vượt bậc của Thiền phái Lâm Tế tại Nhật Bản và Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Việt Nam là những ví dụ điển hình. Có thể nói rằng, Thiền phái Lâm Tế cũng có ảnh hưởng lớn và có nhiều đóng góp đối với Phật giáo Việt Nam nói chung. Vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu đã đi sâu tìm hiểu về Thiền phái này. Nhà nghiên cứu Tâm Thái trong bài viết “Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền” cho rằng: “Khi nói tới Thiền tông, tên tuổi của tổ Lâm Tế được nhắc nhở đến nhiều nhất vì dòng Thiền của tổ vẫn còn được truyền tiếp mạnh mẽ cho tới ngày nay... Tại Việt Nam, trừ vài chùa thuộc tông Tào Động, còn lại đều thuộc tông Lâm Tế” [Tâm Thái, 2011].

Từ thời Tống trở đi, về cơ bản, Lâm Tế Tông đã trở thành Thiền phái chủ đạo ở Trung Quốc. Trong khi đó, Phật giáo nói chung dần trở

thành một trong những chủ lưu của văn hóa Trung Hoa, là tín ngưỡng chủ yếu của đông đảo quần chúng nhân dân. Điều này phần nào được thể hiện rõ qua quần thể kiến trúc chùa tháp ở thành Chính Định, trong số đó đáng kể nhất là chùa Long Hưng nằm ở phía nam đường Tây Hưng Vinh. Đây là viên ngọc quý của thành cổ và cũng là một trong mười ngôi chùa nổi tiếng nhất Trung Quốc, có niên đại gần 1.500 năm. Khuôn viên chùa và điện thờ chính theo phong cách kiến trúc đầu thời Bắc Tống vẫn duy trì được nguyên trạng, được bố trí theo trục Nam Bắc, lần lượt bao gồm tường lưu ly, cầu đá, cổng chùa, điện Thiên Vương, di chỉ nền móng điện Lục Sư Đại Giác, điện Ma Ni, giới đàn, điện Đại Bi và hai bia đình, hai lầu gác đứng bên cạnh (gồm gác xoay Chuyển Luân Tạng và gác Từ Thị), điện Di Lặc và giếng đình Long Tuyền. Trong đó, điện Ma Ni có quy mô lớn nhất, quan trọng nhất, hoàn chỉnh nhất và được bảo tồn tốt nhất, là kho tàng nghệ thuật về kiến trúc, điêu khắc, bia ký và bích họa cổ. Bên cạnh đó, trong chùa còn lưu trữ nhiều văn vật của các triều đại để lại như bia chùa Long Tạng thời Tùy...

Điện Ma Ni có cấu trúc xây dựng theo hình dáng chữ thập, nguy nga, cổ kính mà ngày nay chúng ta chỉ còn được nhìn thấy trong những bức tranh thời Tống. Trong điện thờ Đức Phật Thích Ca, các bức tường xung quanh có trang trí bích họa thời Minh kể về các tích chuyện có liên quan đến cuộc đời và trí tuệ của Đức Phật. Trên bức tường phía Bắc ở phía sau lưng tượng Phật Thích Ca là tượng Phật Bà Quan Âm ngũ sắc, được điêu khắc ngồi trên một tảng đá ở biển. Đây là bức tượng Quan Âm đẹp nhất ở Trung Quốc, cũng là một trong số chín tuyệt tác của chùa Long Hưng, được nhà văn Lỗ Tấn ca tụng là Nữ thần sắc đẹp phương Đông. Tượng Phật Quan Âm vừa có thần thái gần gũi như người thường, vừa có sự uyển chuyển bay bổng như thần tiên, nhưng vẫn mang dáng vẻ trang nghiêm và từ bi của một vị Bồ Tát.

Trong Điện Đại Từ Bi ở chùa Long Hưng còn có một bức tượng Phật Bà Quan Âm nghìn tay nghìn mắt bằng đồng cao 21,3m. Đến nay, đây là pho tượng Quan Âm nghìn tay nghìn mắt cổ nhất, lớn nhất còn được bảo tồn tốt nhất ở Trung Quốc [Thạch Gia Trang Nhật Báo,

2023]. Tượng đứng trên một bệ đá khổng lồ, được khắc chạm hoa văn tráng trí tinh xảo như điêu khắc rồng, lục sĩ, nhạc công chơi đàn, thổi sáo... Pho tượng này do hoàng đế Triệu Khuông Dận ban lệnh đúc vào năm 971, tổng cộng dùng hết 120 tấn đồng. “Năm Khai Bảo thứ 4 (971), Tống Thái Tổ ban lệnh đúc một pho tượng đồng lớn trong chùa, sau khi hoàn thành đại sự lại cho đổi tên thành chùa Long Hưng, đặt nền móng cho quy mô và bố cục của chùa như ngày nay” [Nhiệm Kế Dũ, 1981: 984]. Trước đó, vào năm Khai Bảo thứ hai (969), vua Thái Tổ đem quân đi thu phục vùng đất Thái Nguyên nhưng không giành được thắng lợi. Khi đi tuần du biên giới vào tháng 5, ông cho quân trú đóng ngoài thành Chân Định và vào chùa Đại Bi dâng hương. Được sư trụ trì cho biết tượng Phật Đại Bi trong chùa đã bị phá hủy, nhà vua liền ban lệnh cho đúc một pho tượng Phật Đại Bi khổng lồ. Chùa Long Hưng được chọn làm nơi xây điện Đại Bi để đặt bức tượng này. Đến năm Khai Bảo thứ 8 (975), công trình đúc tượng và xây điện này mới hoàn thành [Triệu Văn Liêm, 2008: 626].

Mục đích của việc đúc pho tượng Phật Bà nghìn tay nghìn mắt khi đó một mặt nhằm đáp ứng nguyện vọng của đông đảo tang, ni, Phật tử, góp phần ổn định đời sống tinh thần của người dân trong vùng, giúp củng cố sự thống trị của triều Tống. Mặt khác, nó cũng góp phần thể hiện thực lực quốc gia trước một nước Liêu hùng mạnh đối đầu ở phương Bắc. Có thể nói, đây là một ngoại lệ trong bối cảnh chính sách hạn chế dùng sắt, đồng để đúc tượng Phật của nhà Tống. Điều này cho thấy chùa Long Hưng không chỉ có vị trí đặc biệt đối với hoàng gia nhà Tống mà còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của quốc gia. Kể từ thời kỳ này, nhiều câu chuyện hay về Quan Âm được lan truyền khắp cả nước, góp phần định hướng tư tưởng hướng thiện cho con người. Với những thành tựu đỉnh cao về nghệ thuật kiến trúc xây dựng, đúc tượng, hội họa kết hợp với nhiều yếu tố văn hóa Phật giáo phong phú khác, chùa Long Hưng được chọn là ngôi chùa thuộc hoàng gia qua các thời kỳ lịch sử. Hiện nay, chùa đã mở cửa đón tiếp du khách gần xa đến chiêm bái, đồng thời cũng là ngôi chùa mà người dân địa phương đến cúng bái nhiều nhất. Nhờ có đạo Phật khai hóa, đời sống tinh thần của người dân nơi đây luôn an

nhiên tĩnh tại, góp phần thúc đẩy sự phát triển hài hòa xã hội, từ đó mang lại hòa bình và hạnh phúc cho người dân địa phương qua các thời đại.

Ngày nay, thành cổ Chính Định đã bớt đi phần nao nhiệt vốn có của thời trước, nhưng vẫn mang dáng vẻ ung dung, trầm mặc bởi những trầm tích lịch sử lắng đọng. Những dấu ấn của bề dày lịch sử văn hóa hơn 1.000 năm vẫn được bảo tồn nguyên vẹn trong thành. Nhờ sở hữu nhiều di tích lịch sử - văn hóa quý giá, thành cổ Chính Định đã trở thành đơn vị bảo tồn văn vật trọng điểm cấp quốc gia từ năm 1994, là đơn vị cấp huyện duy nhất nằm trong danh sách những thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng nhất của Trung Quốc. Thành cổ này còn là quê hương của nhiều loại hình văn hóa dân gian và cũng được coi là hình mẫu cho sự phát triển bền vững của quốc gia, trong đó biểu diễn trống trận Thường Sơn là một phong tục dân gian nổi bật nhất, được coi là hồn phách của thành cổ. Nghi thức trống trận cổ xưa và long trọng này có nguồn gốc xuất xứ gắn liền với các trận chinh chiến lẫy lừng của danh tướng Triệu Tử Long. Bên cạnh đó, thành cổ còn gìn giữ được các nét văn hóa truyền thống như tập tục ăn Tết Nguyên Đán, Tết Nguyên Tiêu, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Thu theo phong cách cổ truyền...

Đến năm 2000, về cơ bản, huyện đã khôi phục lại diện mạo mộc mạc cổ kính của phố cổ ở khu phố Chùa Khai Nguyên, biến nơi đây trở thành nơi lưu giữ lại những ký ức về thuở xa xưa. Tổng bí thư Trung Quốc Tập Cận Bình trong thời gian công tác tại đây (1982-1985) rất coi trọng vấn đề kế thừa và phát triển văn hóa truyền thống, nên đã ra sức thúc đẩy việc bảo vệ, gìn giữ, trùng tu, tôn tạo di tích cổ, đồng thời cũng chú trọng sự tiếp diễn của dòng chảy văn hóa lịch sử ở thành cổ này [Trang mạng Chính quyền Nhân dân thành phố Thạch Gia Trang, 2023]. Gần đây, chính quyền huyện thực hiện chiến lược lấy du lịch làm trụ cột phát triển, chú trọng kết hợp giữa công tác bảo tồn với việc mang lại lợi ích thực tế cho người dân địa phương. Nhờ đó, các sản phẩm du lịch và các loại hình dịch vụ du lịch ngày càng được tuyên truyền, quảng bá rộng rãi, giúp thu hút ngày càng nhiều du

khách đến với địa phương [Trang mạng Chính quyền Nhân dân thành phố Thạch Gia Trang, 2023].

### **Kết luận**

Nằm ở phía Đông dãy núi Thái Hành Sơn và trên con đường huyết mạch ở vùng đồng bằng Hoa Bắc, thành cổ Chính Định có vai trò tương đối quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa và tín ngưỡng qua nhiều thời kỳ lịch sử. Trong mấy chục năm qua, chính quyền thành phố đã không ngừng thực hiện công tác bảo tồn và chỉnh trang thành cổ với mục đích nhằm tái hiện lại diện mạo của một hùng trấn phương Bắc khi xưa với những dấu ấn sâu đậm của văn hóa Phật giáo.

Có thể nói rằng, khi du nhập vào mỗi một quốc gia, Phật giáo đều tùy theo điều kiện, tập tục, văn hóa tín ngưỡng của quốc gia đó mà có những hình thái, cách thức khác nhau để tồn tại và phát triển. Đồng thời, đạo Phật cũng tạo ra những sắc thái riêng của từng quốc gia mà tôn giáo này du nhập, đặc biệt là khi du nhập vào Trung Quốc, một quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời và là một trong những nền văn minh lớn của nhân loại. Sở dĩ được như vậy là bởi Phật giáo như một thực thể văn hóa, tôn giáo sống động mang một tinh thần khoan dung, cởi mở “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên” [Tuệ Đăng, 2019].

Đóng vai trò là một nét văn hóa truyền thống, ngày nay Phật giáo vẫn tiếp tục được kế thừa trong xã hội hiện đại tại thành cổ Chính Định và đang góp phần tích cực vào việc duy trì đời sống văn hóa tinh thần cũng như gìn giữ, phát huy những nét đẹp đạo đức của con người. Phật giáo tồn tại song song và dung hợp hài hòa với đời sống văn minh hiện đại của cư dân hiện nay, đồng thời là nguồn tài nguyên di sản được trân trọng, giữ gìn, góp phần thu hút, phát triển kinh tế du lịch, cải thiện đời sống cho người dân địa phương./.

---

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. “Bác Vật Biên – Thân Dị Điện”, quyển 49, quyển 75, Trung Hoa Thư Cục, Ba Thục Thư Cục.
2. Nhiệm Kế Dũ (1981), “Từ điển tôn giáo”, Nxb Từ Thư Thượng Hải, Trung Quốc.

3. Tuệ Đăng, Khái quát lịch sử Phật giáo Trung Quốc, trang mạng Phật giáo Hà Nội, <https://phatgiaohanoi.vn>, truy cập ngày 05/01/2024.
4. Thích Trung Định, “Thiền phái Lâm Tế”, <https://giacngo.vn>, truy cập ngày 16/12/2023.
5. Thích Giác Liêm, “Sự hình thành phát triển và những đóng góp của Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh cho Phật giáo và Dân tộc Việt Nam”, <https://tapchivanhoaphatgiao.com>, truy cập ngày 16/12/2023.
6. Triệu Văn Liêm (2008), “Chính Định Huyện Chí”, Nxb Nhân Dân Hà Bắc, Trung Quốc.
7. Thích Tâm Thái Minh (1985), “Phật Pháp Kim Thang Biên”, *Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành*.
8. Hạ Trung Nông (chủ biên 1999), *Từ Hải*, Nxb. Từ Thư Thượng Hải, Trung Quốc.
9. Tư Mã Quang (1956), *Tư Trị Thông giám*, Nxb. Cổ Tịch, Trung Quốc.
10. Tâm Thái, “Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền”, <https://thuvienhoasen.org>, truy cập ngày 16/12/2023.
11. Thạch Gia Trang Nhật Báo, 正定古城: 一步一景一故事, <http://sjzrb.sjzdaily.com.cn>, truy cập ngày 20/11/2023.
12. Thạch Gia Trang Nhật Báo, 正定古城: 国家历史文化名城, <http://www.sjzdaily.com.cn>, truy cập ngày 24/11/2023.
13. “Tông Đại Chiêu Lệnh Tập”, Trung Hoa Thư Cục, Trung Quốc, 1962.
14. Trang mạng chùa Bạch Mã, “Giới thiệu về chùa Bạch Mã”, <https://baimasi.lyd.com.cn>, truy cập ngày 7/02/2023.
15. Trang mạng Du lịch Bắc Kinh, 正定: 国家历史文化名城, <https://www.visitbeijing.com.cn>, truy cập ngày 24/11/2023.
16. Trang mạng Chính quyền Nhân dân thành phố Thạch Gia Trang, 铸牢古城保护的法治屏 - - 石家庄 正定县 依法推进 古城保护 , <https://www.sjz.gov.cn>, truy cập ngày 15/11/2023.
17. Trang mạng Chính quyền Nhân dân thành phố Thạch Gia Trang, 正定古城墙保护环境整治.
18. Trang web Cơ sở tri thức quốc gia Trung Quốc, <https://oversea.cnki.net>, truy cập ngày 26/12/2023.
19. Âu Dương Tu (chủ biên 1974), *Tân Ngũ Đại sử*, Trung Hoa Thư Cục, Trung Quốc.
20. Âu Dương Tu (chủ biên 1975), *Tân Đường thư*, Trung Hoa Thư Cục, Trung Quốc.
21. 动员会召开, <https://www.sjz.gov.cn>, ngày truy cập 22/11/2023.

**Abstract**

**BUDDHIST CULTURAL CONSERVATION AREA IN THE  
ZHENDING ANCIENT CITADEL, HEBEI PROVINCE, CHINA**

**Nham Thi Ly**

*University of Social Sciences and Humanities, VNU*

Although Zhending ancient citadel (Hebei province, China) is a small district-level citadel, it has a reputation of nearly 2,000 years. In the past, Zhending was one of the major Buddhist centers in Northern China. Having gone through many vicissitudes, this place still retains many historical, cultural, and religious relics, especially the ancient and unique Buddhist temples and pagodas with artistic values. Therefore, Zhending is considered a treasure of ancient architectural art and one of the Chinese Buddhist cultural preservation areas. Since 1994, this ancient citadel has been the only county-level unit on the list of China's most famous historical and cultural cities.

**Keywords:** Buddhism, Buddhist architecture, Zhending ancient citadel, China